TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày 30-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thuý và bà Vũ Thị Dinh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-KDTM ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1); Địa chỉ: Lầu H, 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng D1 – Giám đốc S1 chi nhánh T3; Người được ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L – Chức vụ: Phó Phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S (S1) chi nhánh T3 (Văn bản uỷ quyền ngày 04/5/2024).

- Bị đơn: Công ty TNHH M1; Địa chỉ trụ sở: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T – Giám đốc.

(Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S (S1) và Công ty TNHH M1 (Công ty M1) ký kết 02 hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

01. ***Hợp đồng tín dụng số 202226632233 ngày 31/5/2022:***

- Số tiền vay: 680.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Thời hạn vay: 60 tháng được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan.
- Thời điểm trả hết nợ (ngày đáo hạn): 31/05/2027.
- Phương thức trả nợ: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả vào ngày 20 hàng tháng, chi tiết theo Phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Giấy nhận nợ tương ứng.

- Phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ là tổng số tiền lãi của Giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng và được tính trên số dư nợ thực tế và cuối ngày, số ngày thực tế của mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn. Ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng. Lãi suất (năm = 365 ngày), cố định 06 tháng đầu là: 10.5%/năm. Từ tháng thứ 07 (bảy) trở đi kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vnthời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 3.5%/năm và được S1 quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc.

- Biện pháp đảm bảo của khoản vay nêu trên: Công ty M1 thế chấp 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD, số loại RANGER KDBCR2YN màu trắng, sản xuất năm 2022 tại Việt Nam, số khung: RL2UMFF60NTR20737, số máy: YN2QPNT20737, biển số đăng ký: 17C – 165.91, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17000005 mang tên Công ty TNHH M1 do Công an huyện T cấp ngày 25/05/2022 (Theo hợp đồng thế chấp số 202226632233/HĐTC ngày 31/5/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2022).

02. Hợp đồng tín dụng số 202226632428 ngày 31/5/2022:

- Số tiền vay: 370.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh.
- Thời hạn vay: 48 tháng được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan.
- Thời điểm trả hết nợ (ngày đáo hạn): 30/05/2026.
- Phương thức trả nợ: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả vào ngày 20 hàng tháng, chi tiết theo Phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Giấy nhận nợ tương ứng.
- Phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ là tổng số tiền lãi của Giấy nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng và được tính trên số dư nợ thực tế và cuối ngày, số ngày thực tế của mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn. Ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng. Lãi suất (năm = 365 ngày), lãi suất cố định 06 tháng đầu là: 10.5%/năm. Từ tháng thứ 07 (bảy) trở đi kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vntại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 3.5%/năm và được S1 quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc.
- Biện pháp đảm bảo của khoản vay nêu trên: Công ty M1 thế chấp 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, số loại NEW MIGHTY N250 màu xanh, sản xuất năm 2022 tại Việt Nam, số khung: RLUMET7KANN000390, số máy: M235628D4CB, biển số đăng ký: 17C – 165.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17000006 mang tên Công ty TNHH M1 do Công an huyện T cấp ngày 25/05/2022. (Theo hợp đồng thế chấp số 202226632428/HĐTC ngày 31/5/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2022).

S1 đã giải ngân cho Công ty M1 đầy đủ số tiền theo hai hợp đồng tín dụng nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M1 đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, vi phạm các cam kết theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. S1 đã rất nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện nhưng Công ty M1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản thế chấp để xử lý nên S1 đã khởi kiện ra Tòa án ngày 04/5/2024.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau:

+ Buộc Công ty M1 phải thanh toán cho S1 tổng số tiền theo hai khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số: 202226632233 ngày 31/5/2022 và hợp đồng tín dụng số: 202226632428 ngày 31/5/2022 tính đến ngày 30/9/2024 là: 781.927.589 đồng (Bẩy trăm tám mươi mốt triệu chín trăm hai mươi bẩy nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 704.672.180 đồng.
- Lãi trong hạn: 70.185.283 đồng.
- Lãi quá hạn: 4.692.700 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 2.377.426 đồng
- Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu giải quyết bất kì một khoản chi phí nào khác.

+ Về thời hạn thanh toán: Kể từ ngày 01/10/2024, Công ty M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng nêu trên và các phụ lục hợp đồng kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán được tính theo thỏa thuận.

+ Công ty M1 có trách nhiệm thanh toán ngay toàn bộ số nợ trên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trên thì S1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ theo hai hợp đồng thế chấp đã ký theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI; Số loại: NEW MIGHTY, Số máy: M325628D4CB; số khung RLUMET7KANN000390, biển kiểm soát 17C-165.61 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000006 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022.

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: RANGER, Số máy: YN2QPNT20737; số khung RL2UMFF60NTR20737, biển kiểm soát 17C-165.91 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000005 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022.

Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản đảm bảo thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty M1 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền nợ còn lại theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên. S1 yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết các chi phí phát sinh trong quá trình thi hành án và các chi phí khác có liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp

luật của Công ty M1 nhiều lần, tuy nhiên ông Nguyễn Văn T1 (người đại diện theo pháp luật của Công ty), bà Phạm Thị M (thành viên góp vốn của Công ty) không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho Công ty M1 và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Theo quản lý theo dõi tình hình hoạt động của địa phương thì Công ty M1 có địa chỉ trụ sở chính tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, kinh doanh lĩnh vực sản xuất may mặc có người đại diện theo pháp luật đồng thời cũng là giám đốc công ty là ông Nguyễn Hữu T. Vợ ông Nguyễn Hữu T là bà Phạm Thị M là phó giám đốc và là thành viên góp vốn của Công ty. Ngoài ra không còn thành viên góp vốn nào khác. Công ty bắt đầu tạm ngừng hoạt động vào tháng 10/2023 do không có khả năng chi trả cho công nhân và ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị M không có mặt ở Công ty, hiện nay đang ở đâu, làm gì không ai biết. Tình trạng công ty T4 đã tạm ngừng hoạt động, tuy nhiên theo địa phương cho biết hiện nay Công ty M1 chưa tuyên bố phá sản, chưa làm thủ tục giải thể, chưa thay đổi người đại diện theo pháp luật, chưa thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Chị Phạm Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị M cùng chồng con đã đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì không thông báo cho địa phương và gia đình được biết, thi thoảng anh T và chị M vẫn gọi điện về thông báo tình hình sức khỏe cho gia đình.

Công an xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái cung cấp thông tin: Công dân Nguyễn Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chỉ về địa phương khoảng 1 – 2 lần/năm vào lễ, Tết.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 401,466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/12016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S1 buộc Công ty M1 trả toàn bộ nợ gốc, số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng và có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: S1 và Công ty M1 đều là chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích bổ sung tài sản phục vụ kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 13/7/2021 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh T thì Công ty M1 có địa chỉ trụ sở tại Xóm H, thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn Văn Hàn T2, xã T), đến nay công ty chưa tuyên bố phá sản, chưa làm thủ tục giải thể, chưa thay đổi người đại diện theo pháp luật, chưa thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty. Đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn B, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T – chức danh: Giám đốc, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái và thành viên góp vốn là bà Phạm Thị M, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Toà án đã xác minh đối với ông T và bà M tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng ông T và bà M không có mặt ở địa phương, không ai biết đi đâu làm gì, thi thoảng có liên lạc về gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ trụ sở của Công ty M1 là tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tiến hành các thủ tục niêm yết, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ của đương sự trong vụ án: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng trong vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, tiếp cận chứng cứ của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hai hợp đồng tín dụng số: 202226632233 ngày 31/5/2022 và hợp đồng tín dụng số: 202226632428 ngày 31/5/2022 được ký kết giữa S1 và Công ty M1 có hình thức và nội dung đều tuân thủ các quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 401, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật các tổ chức tín dụng 2010, Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N. Khi thực hiện giao dịch có chữ ký xác nhận của các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp này đều hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty M1 đủ số tiền 680.000.000 đồng và 370.000.000 đồng theo thỏa thuận làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty M1 đã trả một phần nợ gốc và vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên hiện nay còn chưa thanh toán cho S1 số nợ gốc là 704.672.180 đồng đối với cả hai hợp đồng tín dụng đã ký kết và các bên đương sự không tranh chấp với nhau về số tiền nợ gốc nói trên nên Hội đồng xét xử xác định Công ty M1 còn nợ S1 số tiền nợ gốc 704.672.180 đồng là có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu trả tiền lãi suất trong hạn và quá hạn: Theo hai hợp đồng tín đã ký thì các bên thỏa thuận toàn bộ về lãi suất cố định, lãi suất thả nổi, phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi phù, phạt chậm trả lãi phù hợp với các quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khác hàng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định có cơ sở để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2024 là: số tiền lãi trong hạn là 70.185.283 đồng, lãi quá hạn là 6.692.700 đồng và phạt chậm trả lãi là 2.377.426 đồng.

[8] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả như sau: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (01/10/2024) Công ty M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận.

[9] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo số 202226632233/HĐTC ngày 31/5/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2022 và hợp đồng thế chấp số 202226632428/HĐTC ngày 31/5/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2022 các bên tự nguyện thoả thuận, hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng thế chấp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của S1, khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì S1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ theo hai hợp đồng thế chấp số 202226632233/HĐTC ngày 31/5/2022 và hợp đồng thế chấp số 202226632428/HĐTC ngày 31/5/2022 theo

quy định của pháp luật, cụ thể là:

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI; Số loại: NEW MIGHTY, Số máy: M325628D4CB; số khung RLUMET7KANN000390, biển kiểm soát 17C-165.61 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000006 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022. Xác lập hợp đồng thế chấp ô tô số 202226632428/HĐTC ngày 31/5/2022.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: RANGER, Số máy: YN2QPNT20737; số khung RL2UMFF60NTR20737, biển kiểm soát 17C-165.91 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000005 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022. Xác lập hợp đồng thế chấp ô tô số 202226632233/HĐTC ngày 31/5/2022.

Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản đảm bảo thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty M1 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền nợ còn lại theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

[10] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty M1 phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đảm bảo. S1 đã nộp đủ số tiền này nên Công ty M1 phải hoàn trả lại cho S1 số tiền 2.000.000đ. Đối với các chi phí khác phát sinh trong quá trình tố tụng (chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng) và các chi phí phát sinh trong quá trình thi hành án nguyên đơn không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 35.277.104 đồng. Trả lại cho S1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 16.838.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0004179 ngày 26/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 116, 117, 118, 119, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH M1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc Công ty TNHH M1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2024 là: 781.927.589 đồng (Bảy trăm tám mươi mốt triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm

trăm tám mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 704.672.180 đồng.
- Lãi trong hạn: 70.185.283 đồng.
- Lãi quá hạn: 4.692.700 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 2.377.426 đồng

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/10/2024) Công ty TNHH M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán được tính theo thỏa thuận.

2. Công ty TNHH M1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty TNHH M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ gồm các tài sản đảm bảo sau:

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI; Số loại: NEW MIGHTY, Số máy: M325628D4CB; số khung RLUMET7KANN000390, biển kiểm soát 17C-165.61 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000006 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022. Xác lập hợp đồng thế chấp ô tô số 202226632428/HĐTC ngày 31/5/2022.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: RANGER, Số máy: YN2QPNT20737; số khung RL2UMFF60NTR20737, biển kiểm soát 17C-165.91 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 17000005 do Công an huyện T cấp ngày 25/5/2022. Xác lập hợp đồng thế chấp ô tô số 202226632233/HĐTC ngày 31/5/2022.

Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản đảm bảo thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty TNHH M1 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền nợ còn lại theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Buộc Công ty TNHH M1 phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP S đã nộp đủ số tiền này nên Công ty TNHH M1 phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

5. Về án phí:

- Công ty TNHH M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 35.277.104 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 16.838.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0004179 ngày 26/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thuỵ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty TNHH M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Xuân Quỳnh